

Kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước và vệ sinh nông thôn năm 2025

1. Kết quả kiểm tra vệ sinh chung của các trạm cấp nước tập trung cấp cho cụm dân cư dưới 500 người, các nguồn nước hộ gia đình.

	Trạm cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoan	Máng lán, tự chảy	Bể nước mưa	Loại khác	Cộng
Tổng số trên địa bàn	03	1137	10	209	02	0	1361
Tổng số được kiểm tra	03	678	10	0	02	0	693
Tổng số đạt tiêu chuẩn vệ sinh chung	01	621	10	0	02	0	634
Tỷ lệ %	33,33	91,5	100	0	100		92,4

(Một mẫu nước làm xét nghiệm bao gồm cả các chỉ số về lý, hóa học và vi sinh vật. Một mẫu nước đạt TCVS là đạt cả về các chỉ tiêu lý, hóa học và vi sinh vật)

Tổng số mẫu nước đạt TCVS:...(mẫu). Tỷ lệ mẫu đạt TCVS là: ...%

Tổng số mẫu không đạt TCVS là: ...(mẫu)

Tổng số mẫu lấy đợt II năm là:(mẫu)

Trong đó:

[illegible]

.....

 hoặc có các xét nghiệm nước không đạt:

Phần II. Kết quả kiểm tra vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình:

Thông tin chung	Tổng số hộ		1361
	Số hộ có nhà tiêu		1340
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS)		856
	Tỷ lệ % hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh		62,8
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh mới được xây dựng trong kỳ báo cáo		0
	Số hộ có nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo.		00
Chi tiết một số loại nhà tiêu	Nhà tiêu tự hoại	Tổng số nhà tiêu	619
		Số nhà tiêu HVS	619
		Tỷ lệ %HVS (so với tổng số nhà tiêu tự hoại)	100
		Số nhà tiêu HVS mới xây dựng trong kỳ báo cáo này	0
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu thấm dội nước	Tổng số nhà tiêu	65
		Số nhà tiêu hợp vệ sinh	65
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu thấm dội nước)	100
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu hai ngăn	Tổng số nhà tiêu	0
		Số nhà tiêu HVS	0
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu hai ngăn)	0
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu chìm có, không có ống thông hơi	Tổng số nhà tiêu	193
		Số nhà tiêu HVS	172
		Tỷ lệ % HVS(so với tổng số nhà tiêu chìm)	
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Loại khác	Số lượng nhà tiêu	484
		Tỷ lệ % (so với tổng số hộ gia đình)	

III. Bảng tổng hợp tình hình sử dụng nhà tiêu và nguồn nước trên địa bàn xã:

Dân tộc	TS hộ gia đình	Tình hình sử dụng nhà tiêu					Tình hình sử dụng nguồn nước				
		Nhà tiêu TH	Nhà tiêu TD	Nhà tiêu 2 ngăn sinh thái	Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	Loại khác	Trạm cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoan	Máng lần tự chảy	Loại khác (Bể nước mưa)
DTTS	1005	304	52	0	172	172	03	643	0	209	0
DTK	315	315	13	0	0	0	0	275	10	0	02
TC: 1320		619	65	0	172	172	03	918	10	209	02

IV. Nhận xét: Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng hố xí hợp vệ sinh còn thấp

V. Kiến nghị:

- Kính đề nghị ngành cấp trên quan tâm hỗ trợ kinh phí xây dựng hố xí cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách.
- Kính đề nghị lãnh đạo UBND xã chỉ đạo các ban ngành, hội đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng nguồn nước sạch, hố xí hợp vệ sinh.

TRẠM Y TẾ BA VÌ



Mai Thị Anh

Ba Vì, ngày 24 tháng 11 năm 2025
Người báo cáo

Nguyễn Thị Biên Thùy

BÁO CÁO
Kết quả kiểm tra vệ sinh nước sạch và nhà tiêu hộ gia đình
12 tháng năm 2025

I.1. Kết quả kiểm tra vệ sinh chung của các trạm cấp nước tập trung cấp cho cụm dân cư dưới 500 người, các nguồn nước hộ gia đình.

	Trạm cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoan	Máng lán, tự chảy	Bể nước mưa	Loại khác	Cộng
Tổng số trên địa bàn	0	652	21	35	0	15	723
Tổng số được kiểm tra	0	652	21	35	0	15	723
Tổng số đạt tiêu chuẩn vệ sinh chung	0	652	21	0	0	0	673
Tỷ lệ %	0	100	100	0	0	0	93,0

2. Kết quả xét nghiệm nước của các trạm cấp nước tập trung cấp cho cụm dân cư dưới 500 người, các nguồn nước hộ gia đình.

(Một mẫu nước làm xét nghiệm bao gồm cả các chỉ số về lý, hóa học và vi sinh vật. Một mẫu nước đạt TCVS là đạt cả về các chỉ tiêu lý, hóa học và vi sinh vật)

Tổng số mẫu nước làm xét nghiệm: ...0... (mẫu.)

Tổng số mẫu nước đạt TCVS: (mẫu). Tỷ lệ mẫu đạt TCVS là:%

Tổng số mẫu không đạt TCVS là:

Tổng số mẫu lấy đợt: ... năm 2020 là: (mẫu)

Trong đó:

Loại chỉ tiêu xét nghiệm	Số lượng mẫu nước không đạt											
	Trạm cấp nước TT		Giếng đào		Giếng khoan		Máng lán, tự chảy		Bể nước mưa		Loại khác	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Lý, hóa học												
Vi sinh vật												

3. Các biện pháp xử lý đối với các trạm cấp nước không đảm bảo vệ sinh chung hoặc có các xét nghiệm nước không đạt:

II. Kết quả kiểm tra vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình:

Thông tin chung	Tổng số hộ		723
	Số hộ có nhà tiêu		714
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS)		458
	Tỷ lệ % hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh		63,34
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh mới được xây dựng trong kỳ báo cáo		0
	Số hộ có nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo.		0
Chi tiết một số loại nhà tiêu	Nhà tiêu tự hoại	Tổng số nhà tiêu	218
		Số nhà tiêu HVS	218
		Tỷ lệ %HVS (so với tổng số nhà tiêu tự hoại)	100
		Số nhà tiêu HVS mới xây dựng trong kỳ báo cáo này	
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	
	Nhà tiêu thấm dội nước	Tổng số nhà tiêu	190
		Số nhà tiêu hợp vệ sinh	190
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu thấm dội nước)	100
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu hai ngăn	Tổng số nhà tiêu	0
		Số nhà tiêu HVS	
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu hai ngăn)	
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	
	Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	Tổng số nhà tiêu	256
		Số nhà tiêu HVS	50
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu chìm)	19,53
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0

		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Loại khác	Số lượng nhà tiêu	9
		Tỷ lệ % (so với tổng số hộ gia đình)	1,24

III. Bảng tổng hợp tình hình sử dụng nhà tiêu và nguồn nước trên địa bàn xã:

TT	Tên xã	Tình hình sử dụng nhà tiêu					Tình hình sử dụng nguồn nước				
		Nhà tiêu TH	Nhà tiêu TD	Nhà tiêu 2 ngăn sinh thái	Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	Loại khác	Trạm cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoan	Máng lán tự chảy	Loại khác
1	Ba Tiêu	218	190	0	256	09	0	652	21	35	15
TC	723 hộ	218	190	0	256	09	0	652	21	35	15

IV. Nhận xét:

- Tỷ lệ sử dụng hố xí hợp vệ sinh: 63,34%

- Tỷ lệ sử dụng nước sạch : 93,0%

V. Kiến nghị:

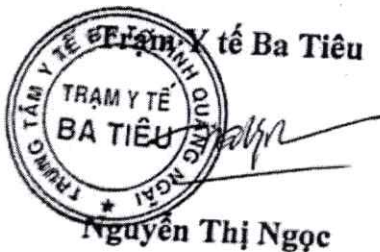
- Đảng Ủy- UB xã quan tâm chỉ đạo các ban ngành đoàn thể thôn xã, đài truyền thanh xã phối hợp với y tế tuyên truyền đến người dân sử dụng nước sạch và sử dụng hố xí hợp vệ sinh;

- Tạo điều kiện để người dân được hỗ trợ kinh phí vay không lãi 0% để người dân xây dựng hố xí hợp vệ sinh; Sửa chữa và cấp mới Trạm cấp nước sạch cho những hộ không có khả năng đào giếng hoặc không có chỗ để đào và khoan giếng.

- Trung Tâm Y Tế tổ chức lớp tập huấn về VSMT cho chuyên trách chương trình.

Ba Vì, ngày 23 tháng 11 năm 2025

Người báo cáo



(Signature)

Phạm Thị Tri

Ba Vì, ngày 24 tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả kiểm tra vệ sinh nước sạch và nhà tiêu hộ gia đình
12 tháng năm 2025**

I.1.Kết quả kiểm tra vệ sinh chung của các trạm cấp nước tập trung cấp cho cụm dân cư dưới 500 người, các nguồn nước hộ gia đình.

	Trạm cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoan	Máng lán, tự chảy	Bể nước mưa	Loại khác	TCộng
Tổng số trên địa bàn	0	656	27	166	0	0	849
Tổng số được kiểm tra	0	656	27	140	0	0	849
Tổng số đạt tiêu chuẩn vệ sinh chung	0	656	27	140	0	0	849
Tỷ lệ %	0	100	100	100	0		100

2. Kết quả xét nghiệm nước của các trạm cấp nước tập trung cấp cho cụm dân cư dưới 500 người, các nguồn nước hộ gia đình.

(Một mẫu nước làm xét nghiệm bao gồm cả các chỉ số về lý, hóa học và vi sinh vật.
Một mẫu nước đạt TCVS là đạt cả về các chỉ tiêu lý, hóa học và vi sinh vật)

Tổng số mẫu nước làm xét nghiệm: 0 (mẫu.)

Tổng số mẫu nước đạt TCVS: 0 (mẫu). Tỷ lệ mẫu đạt TCVS là: 0 %

Tổng số mẫu không đạt TCVS là:

Tổng số mẫu lấy đợt:IV năm 2025 là: 0 (mẫu)

Trong đó:

Loại chỉ tiêu xét nghiệm	Số lượng mẫu nước không đạt											
	Trạm cấp nước TT		Giếng đào		Giếng khoan		Máng lán, tự chảy		Bể nước mưa		Loại khác	
	Số lượng g	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Lý, hóa học												
Vi sinh vật												

3.Các biện pháp xử lý đối với các trạm cấp nước không đảm bảo vệ sinh chung hoặc có các xét nghiệm nước không đạt:

II. Kết quả kiểm tra vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình:

Thông tin chung	Tổng số hộ		849
	Số hộ có nhà tiêu		839
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (HVS)		839
	Tỷ lệ % hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh		98,8
	Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh mới được xây dựng trong kỳ báo cáo		0
	Số hộ có nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo.		0
Chi tiết một số loại nhà tiêu	Nhà tiêu tự hoại	Tổng số nhà tiêu	25
		Số nhà tiêu HVS	25
		Tỷ lệ %HVS (so với tổng số nhà tiêu tự hoại)	100
		Số nhà tiêu HVS mới xây dựng trong kỳ báo cáo này	0
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu thấm dội nước	Tổng số nhà tiêu	227
		Số nhà tiêu hợp vệ sinh	227
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu thấm dội nước)	100
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu hai ngăn	Tổng số nhà tiêu	0
		Số nhà tiêu HVS	0
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu hai ngăn)	0
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	Tổng số nhà tiêu	587
		Số nhà tiêu HVS	587
		Tỷ lệ % HVS (so với tổng số nhà tiêu chìm)	100%
		Số nhà tiêu HVS mới được xây dựng trong kỳ báo cáo	0
		Số nhà tiêu HVS bị xuống cấp thành nhà tiêu không HVS trong kỳ báo cáo	0
	Loại khác	Số lượng nhà tiêu	10
		Tỷ lệ % (so với tổng số hộ gia đình)	1,17

III. Bảng tổng hợp tình hình sử dụng nhà tiêu và nguồn nước trên địa bàn xã:

T T	Tên xã	Tình hình sử dụng nhà tiêu						Tình hình sử dụng nguồn nước					
		Nhà tiêu TH	Nhà tiêu TD	Nhà tiêu 2 ngăn sinh thái	Nhà tiêu chìm có ống thông hơi	Loại khác	Tổn g cộn g	Trạ m cấp nước TT	Giếng đào	Giếng khoa n	Mán g lần tự chảy	Loạ i khá c	Tổng cộng
1	Ba Ngạc	25	227	0	587	10	849	0	656	27	166	0	849
TC		25	227	0	587	10	849	0	655	27	166	0	849

IV. Nhận xét:

V. Kiến nghị:

Người báo cáo



Phạm Văn Hóc

Trưởng Trạm



Hồ Thị Kim Chung